

KẾ HOẠCH

**Sơ kết các Nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế - xã hội
của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020-2025**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch sơ kết các nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm: Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 18/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020, một số định hướng, mục tiêu và giải pháp phòng ngừa, ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025”; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá khách quan, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội; nêu rõ những kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm; trên cơ sở đó, đề ra giải pháp, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng ngừa, ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; tập trung tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số; phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển Khu kinh tế Vũng Áng; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ các Nghị quyết đã đề ra.

2. Thông qua sơ kết, tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy tỉnh.

3. Việc sơ kết các nghị quyết được tiến hành từ cấp huyện đến tỉnh, đảm bảo nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn, đúng tiến độ thời gian và nội dung kế hoạch đề ra.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nghị quyết.

2. Kết quả thực hiện các nội dung cụ thể của từng nghị quyết (trong đó: cần đánh giá khả năng hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025; giải trình cơ sở ước thực hiện; làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu không đạt kế hoạch)

3. Những hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

4. Nhận diện bối cảnh mới và các đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hiệu quả các nghị quyết thời gian tới; đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu của nghị quyết (nếu có).

5. Những đề xuất, kiến nghị cụ thể.

(có Đề cương báo cáo đối với các Nghị quyết kèm theo)

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN SƠ KẾT

1. Hình thức sơ kết đối với cấp huyện và các đơn vị

Các huyện, thành, thị ủy; các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ, căn cứ điều kiện thực tiễn xây dựng báo cáo *(theo Đề cương gửi kèm)*; tổ chức sơ kết bằng hình thức phù hợp, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

2. Hình thức sơ kết đối với cấp tỉnh

2.1. Sơ kết bằng văn bản: Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 18/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020; một số định hướng, mục tiêu và giải pháp phòng ngừa, ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

2.2. Tổ chức hội nghị sơ kết:

- Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025”.

- Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

- Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 22/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Thời gian

3.1. Các huyện, thành, thị ủy; các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan: Hoàn thành sơ kết và gửi báo cáo về Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi các sở chủ trì tham mưu, tổng hợp báo cáo cấp tỉnh **trước ngày 20/9/2024**; cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 01-NQ/TU và số 04-NQ/TU: Gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nghị quyết số 05-NQ/TU: Gửi về Sở Thông tin và Truyền thông.

- Nghị quyết số 06-NQ/TU: Gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Nghị quyết số 08-NQ/TU: Gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 09-NQ/TU: Gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

3.2. Cấp tỉnh: Hoàn thành sơ kết **trước ngày 30/11/2024**.

Thời gian tổng hợp số liệu sơ kết: Từ khi ban hành các Nghị quyết đến hết ngày 30/6/2024.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy theo lĩnh vực liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện sơ kết ở các địa phương, đơn vị, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh:

- Giao các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị sơ kết các nghị quyết; tổng hợp báo cáo, trình Thường trực Tỉnh ủy **trước ngày 30/10/2024** (đối với Nghị quyết số 01-NQ/TU).

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị sơ kết các nghị quyết, hoàn thành **trước ngày 30/11/2024** (đối với các Nghị quyết: Số 04-NQ/TU, số 05-NQ/TU, số 06-NQ/TU, số 08-NQ/TU và số 09-NQ/TU).

3. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết các nghị quyết theo Kế hoạch.

Yêu cầu các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch nghiêm túc.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các ban Đảng, UBKT, Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh,
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh,
- Các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH₄.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Thế Dũng

Phụ lục 01
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 01-NQ/TU CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
(Kèm theo Kế hoạch 288-KH/TU, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy)

I. Bối cảnh chung

Nêu khái quát đặc điểm, tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương, đơn vị và những thuận lợi, khó khăn trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 18/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020, một số định hướng, mục tiêu và giải pháp phòng ngừa, ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra (gọi tắt là Nghị quyết số 01-NQ/TU).

II. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết

- Việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 01-NQ/TU: Các hình thức phổ biến, quán triệt; số lượng, thành phần được phổ biến, quán triệt; kết quả phổ biến, quán triệt (*nhận thức của cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo, cán bộ, công chức, đảng viên về các nội dung của Nghị quyết số 01 - NQ/TU*).

- Xây dựng chương trình, kế hoạch, các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01 - NQ/TU (*nêu số lượng và tên văn bản đã ban hành; đánh giá về tính kịp thời, sự phù hợp của các văn bản đã ban hành...*).

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 01 - NQ/TU (*Ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát; số lượng các cuộc kiểm tra, giám sát; kết quả công tác kiểm tra, giám sát...*).

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu

- Không để xảy ra tình trạng người dân bị đói, rét, thiếu thuốc điều trị, nhu yếu phẩm thiết yếu; tổ chức tốt công tác tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường, không để xảy ra dịch bệnh sau thiên tai. Phấn đấu đến hết tháng 6 năm 2021, đảm bảo 100% gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai gây ra đều có chỗ ở an toàn; những hộ dân có nhà bị đổ, sập, hư hỏng nặng được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa kiên cố.

- Ưu tiên nguồn lực khôi phục ngay các cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, đảm bảo các cơ sở y tế, trường học, điện, nước sạch sinh hoạt trở lại hoạt động bình thường trong tháng 11/2020. Huy động các nguồn lực, tập trung khôi phục, sửa chữa nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu bị hư hại như giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc, điện lực, văn hóa, giáo dục, y tế... để phục vụ sản xuất và ổn định cuộc sống của người dân.

- Có các chính sách hỗ trợ để sớm khôi phục sản xuất, kinh doanh, nhất là phục hồi sản xuất vụ Đông muộn năm 2020, bảo đảm an sinh cho người dân; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết, nhất là giống năng suất cao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, đảm bảo vụ Xuân và vụ Hè Thu năm 2021 giành thắng lợi toàn diện, bù đắp thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Phân đấu đến cuối năm 2021, người dân vùng thường xuyên bị ngập lụt cơ bản được trang bị áo phao cứu sinh; 100% thôn, xóm, tổ dân phố, vùng thường xuyên bị ngập lụt có thuyền nhỏ dân sinh để chủ động ứng phó với lũ, lụt. Từ nay đến cuối năm 2025, phân đấu mỗi xã thường xuyên bị ngập lụt xây dựng được 01 - 03 nhà phục vụ chung cộng đồng cho Nhân dân tránh trú lụt, bão trên cơ sở nâng cấp các nhà văn hóa thôn xóm, trụ sở, trường học hoặc xây dựng mới. Có giải pháp đảm bảo thông tin, liên lạc trong mọi tình huống; tất cả các thôn, xóm, tổ dân phố phải nhận được thông tin về tình hình trước khi thiên tai xảy ra và thông tin đến tận hộ dân để chủ động ứng phó; hạn chế tới mức thấp nhất việc mất nước sinh hoạt, mạng viễn thông, mất điện khi có thiên tai.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tiễn, bám sát các các chỉ tiêu, nội dung nêu trong Nghị quyết số 01-NQ/TU và Kế hoạch số 511/KH-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU; cấp ủy, chính quyền, đơn vị đánh giá kết quả đạt được, tập trung vào những nội dung sau:

3.1. Đối với nhiệm vụ giải pháp khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền.

- Công tác lập, rà soát các quy hoạch xây dựng, nhất là quy hoạch xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu điều chỉnh, sắp xếp dân cư ở những vùng có nguy cơ sạt lở cao, vùng ngập lụt thường xuyên, nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra. Các giải pháp lâu dài như trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, tăng tỷ lệ che phủ rừng, nhất là bảo vệ và tái tạo rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn các hồ chứa lớn để góp phần làm chậm lũ cho các hồ chứa. Rà soát tổng thể, toàn diện việc cấp mở đất đá, đề ra các giải pháp đảm bảo an toàn cho người dân, hạn chế tới mức thấp nhất khả năng sạt lở đồi núi.

- Điều chỉnh, bổ sung các dự án, phát huy tối đa hiệu quả đa mục tiêu. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, như nâng cao dung tích phòng lũ các hồ chứa, nâng cấp hệ thống đê điều, các âu thuyền tránh trú bão, nạo vét luồng lạch; xúc tiến đầu tư các dự án mới, nhất là các dự án nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi, cơ sở văn hóa, giáo dục, y tế, công trình phòng, chống thiên tai, hệ thống điện, thông tin, liên lạc, hệ thống dự báo và cảnh báo thiên tai, xây dựng bản đồ các vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt, sạt lở.

- Công tác tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân phát huy truyền thống tương thân, tương ái; địa phương, đơn vị, gia đình khó khăn ít giúp đỡ những địa phương, đơn vị, gia đình khó khăn nhiều, cùng chia sẻ, giúp đỡ nhau chung tay khắc phục hậu quả thiên tai, sớm ổn định cuộc sống.

- Công tác đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, việc phân bổ nguồn lực, thực hiện cứu trợ, chính sách hỗ trợ; có giải pháp huy động các nguồn lực hỗ trợ, khắc phục nhanh và hiệu quả.

- Công tác khôi phục cơ sở hạ tầng, phục hồi sản xuất sau mưa lũ.

- Công tác vận động, quyên góp tự nguyện hỗ trợ người dân vùng bị thiên tai và tổ chức tiếp nhận, quản lý tiền, hàng cứu trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân.

- Công tác ban hành chính sách, huy động nguồn lực, sức lao động của Nhân dân, nguồn lực của các doanh nghiệp, tổ chức, nhà hảo tâm để hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh bão, lũ và nhà ở kiên cố cho Nhân dân; có chính sách hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại sớm khôi phục sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo bình ổn thị trường, nhất là giá cả những mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của Nhân dân sau thiên tai.

3.2. Đối với các định hướng, giải pháp chủ yếu công tác phòng ngừa, ứng phó khắc phục thiên tai trong những năm tiếp theo.

- Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác phòng chống thiên tai.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, đẩy mạnh công tác quán triệt, phổ biến kiến thức về công tác phòng, chống thiên tai cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là những người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài của các cấp, các ngành và mỗi người dân.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm đảm bảo yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Rà soát quy hoạch phòng, chống thiên tai; quy hoạch, xây dựng hạ tầng, đô thị, nông thôn mới; bố trí, sắp xếp dân cư ở những vùng có nguy cơ cao về sạt lở đất, vùng thường xuyên bị ngập lụt sâu, lũ ống, lũ quét, đảm bảo thích nghi.

- Xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp giai đoạn 2021 - 2025 theo các cấp độ rủi ro thiên tai, sát với tình hình cụ thể của các địa phương để chủ động ứng phó.

- Công tác kiện toàn và nâng cao năng lực tổ chức, chỉ huy, điều hành của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn các cấp. Tổ chức xây dựng lực lượng nòng cốt, lực lượng ứng cứu có chuyên môn, nghiệp vụ về giảm nhẹ thiên tai, lực lượng tình nguyện viên trong từng địa bàn dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để hướng dẫn và hỗ trợ Nhân dân trong công tác phòng ngừa, ứng phó với thiên tai. Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ chủ trì, chuyên trách, bán chuyên trách làm công tác phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ chủ chốt cấp xã, thôn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai.

Các sở, ban, ngành, địa phương đánh giá cụ thể kết quả thực hiện các nội dung Kế hoạch hành động số 511/KH-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh.

III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM; KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém; khó khăn, vướng mắc

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

IV. Một số bài học kinh nghiệm

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1. Mục tiêu những năm tiếp theo

Rà soát, điều chỉnh một số mục tiêu trong những năm tiếp theo phù hợp với quy hoạch tỉnh và tình hình thực tiễn.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó khắc phục hậu thiên tai trong những năm tiếp theo.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị nghiên cứu, đề xuất, nêu rõ các kiến nghị cụ thể nhằm khắc phục, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 01-NQ/TU.

Ghi chú: Kèm theo Đề cương này là các phụ lục (1 đến 5).

Phụ lục 02
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 04 - NQ/TU CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch 288-KH/TU, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy)

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu khái quát đặc điểm, tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương và những thuận lợi, khó khăn trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025” (gọi tắt là Nghị quyết số 04 - NQ/TU).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

- Việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 04 -NQ/TU: Các hình thức phổ biến, quán triệt; số lượng, thành phần được phổ biến, quán triệt; kết quả phổ biến, quán triệt (*nhận thức của cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo, cán bộ, công chức, đảng viên về các nội dung của Nghị quyết*).

- Xây dựng chương trình, kế hoạch, các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 04 -NQ/TU (*nêu số lượng và tên văn bản đã ban hành; đánh giá về tính kịp thời, sự phù hợp của các văn bản đã ban hành...*).

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 04 -NQ/TU (*Ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát; số lượng các cuộc kiểm tra, giám sát; kết quả công tác kiểm tra, giám sát...*).

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể

- 13/13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó ít nhất 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; huyện Nghi Xuân đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, điển hình về văn hóa gắn với phát triển du lịch.

- 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có trên 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt tối thiểu 60 triệu đồng/người/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông, lâm, thủy sản đạt 3%/năm; có ít nhất trên 200 sản phẩm, dịch vụ đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh, trong đó có 20% số sản phẩm đạt 4 sao, trên 5% số sản phẩm đạt 5 sao.

- 100% di sản văn hóa - lịch sử của tỉnh được bảo tồn và phát huy hiệu quả; 100% số di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, cấp tỉnh được bảo tồn và phổ

biển trong cộng đồng; có từ 1 - 2 di sản trở thành sản phẩm du lịch tiêu biểu của vùng Bắc Trung Bộ.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân mỗi năm trên 1,5%.

- Tối thiểu 95% lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn được phân loại, thu gom và xử lý đúng quy định; trên 80% số hộ gia đình có nước thải sinh hoạt được xử lý bằng các biện pháp phù hợp, trong đó có 35% xử lý theo mô hình 4 khoa học, công nghệ; 55% hộ dân sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn, trong đó ít nhất 50% từ công trình nước sạch tập trung; các nguồn phát sinh ô nhiễm trên địa bàn tỉnh được quản lý theo quy định; tối thiểu 80% hộ gia đình ở nông thôn có nhà vệ sinh tự hoại.

- Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được tiếp nhận và thụ lý; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt loại khá; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 85%.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tiễn, bám sát các chỉ tiêu, nội dung nêu trong Nghị quyết số 04 -NQ/TU và Kế hoạch số 3004/KH-UBND, ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg, ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025”; cấp ủy, chính quyền, đơn vị đánh giá kết quả đạt được, tập trung vào những nội dung sau:

3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

3.2. Tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển kinh tế nông thôn bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các ngành nghề có lợi thế.

3.3. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch trong giai đoạn mới đảm bảo tính kết nối, đồng bộ. Tập trung nâng cao chất lượng đạt chuẩn, nâng cấp các tiêu chí ở các thôn, xã, huyện, đảm bảo bền vững; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; ưu tiên nguồn lực thực hiện hoàn thành các tiêu chí ở các xã, huyện chưa đạt chuẩn.

3.4. Hoàn thiện các tiêu chí cấp tỉnh, trong đó quan tâm ưu tiên phát triển các hạ tầng trọng yếu, đảm bảo kết nối đồng bộ, hài hòa giữa phát triển công nghiệp với nông nghiệp, giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng khó khăn với vùng động lực phát triển, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, viễn thông...

3.5. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã để hoàn thiện các tiêu chí tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới. Lồng ghép nguồn vốn đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm. Ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp theo hướng tạo động lực, ưu tiên các địa phương chưa đạt chuẩn; tập trung xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu, các tiêu chí cần nguồn lực lớn, tạo điều kiện phát triển kinh tế, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường...

3.6. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

3.7. Nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, vai trò quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới.

Các sở, ban, ngành, địa phương đánh giá cụ thể kết quả thực hiện các nội dung tại Kế hoạch số 3004/KH-UBND, ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh.

4. Kết quả thực hiện định hướng Bộ tiêu chí tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các chương trình/dự án trọng điểm ưu tiên

- Các sở, ngành theo chỉ tiêu, tiêu chí được phân công phụ trách đánh giá mức độ đạt chuẩn đến nay của từng chỉ tiêu, tiêu chí và dự kiến khả năng đạt chuẩn đến 31/12/2025.

- Các sở, ngành được phân công tham mưu tổ chức thực hiện các chương trình/dự án trọng điểm ưu tiên báo cáo kết quả thực hiện các Dự án ưu tiên.

III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM; KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém; khó khăn, vướng mắc

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về những ưu điểm và hạn chế

- Về ưu điểm
- Về những hạn chế

2. Bài học kinh nghiệm

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

(Nhận diện bối cảnh mới và các đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hiệu quả các nghị quyết thời gian tới; sửa đổi, hoàn thiện các mục tiêu, chỉ tiêu của nghị quyết (nếu có)).

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Ghi chú: *Kèm theo Đề cương này là các phụ lục (1 đến 8).*

Phụ lục 03

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TU CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch 288-KH/TU, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**1. Khái quát đặc điểm, tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ.****2. Những thuận lợi, khó khăn**

2.1. Thuận lợi:

2.2. Khó khăn:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 05 -NQ/TU: Các hình thức phổ biến, quán triệt; số lượng, thành phần được phổ biến, quán triệt; kết quả phổ biến, quán triệt (nhận thức của cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo, cán bộ, công chức, đảng viên về các nội dung của Nghị quyết số 05 -NQ/TU).

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05 -NQ/TU (nêu số lượng và tên văn bản đã ban hành; đánh giá về tính kịp thời, sự phù hợp của các văn bản đã ban hành...).

3. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 05 -NQ/TU (Ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát; số lượng các cuộc kiểm tra, giám sát; kết quả công tác kiểm tra, giám sát...).

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản của Nghị quyết (Có so sánh kết quả đạt được so với chỉ tiêu đề ra).

2. Việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết (có so sánh kết quả đạt được so với trước khi có nghị quyết)

(1) Việc phát triển cơ sở hạ tầng số và dữ liệu số

(2) Kết quả phát triển nhân lực chuyển đổi số

(3) Kết quả chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan

(4) Kết quả việc phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh hướng đến xã hội số

(5) Việc bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng

(6) Các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số tại đơn vị

(7) *Hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị như thế nào*

(8) *Các cơ quan, đơn vị tổng hợp, báo cáo kết quả kinh phí chi cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.*

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Hạn chế, yếu kém; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

(Nhận diện bối cảnh mới và các đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hiệu quả các nghị quyết thời gian tới; sửa đổi, hoàn thiện các mục tiêu, chỉ tiêu của nghị quyết (nếu có)).

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương (nếu có)

2. Đối với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy.

3. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ghi chú: *Kèm theo Đề cương này là các phụ lục (1 đến 3).*

Phụ lục 04

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TU CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch 288-KH/TU, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy)**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Khái quát đặc điểm, tình hình
2. Chức năng, nhiệm vụ của địa phương trong tham mưu thực hiện việc tập trung, tích tụ ruộng đất
3. Công tác xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch, chương trình hành động để cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết¹; Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết²;
4. Công tác phối hợp giữa địa phương với các sở ngành liên quan trong thực hiện các nghị quyết.
5. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện Nghị quyết của cấp uỷ các cấp;

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Việc đẩy mạnh công tác học tập, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết, giáo dục, vận động, thuyết phục, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, đảng viên, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, người dân và các đối tượng liên quan trong việc phối hợp thực hiện; công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;
2. Công tác phối hợp giữa cấp uỷ đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, người dân và Văn phòng Đăng ký đất đai trong việc phối hợp, lồng ghép các bước xây dựng lập đề án, triển khai quy hoạch ra thực địa, bắt thăm, ghép nhóm; đo đạc cấp GCNQSD đất sau chuyển đổi ruộng đất thực hiện trong công tác tập trung, tích tụ ruộng đất;
3. Việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, nhất là cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng.
 - Các huyện, thành, thị uỷ, Đảng uỷ (Xây dựng đề án, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện, các văn bản chỉ đạo điều hành trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết).

¹ Ghi Nội dung trích dẫn VB; số VB, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành văn bản.

² Số cuộc tại xã; số cuộc thôn, xóm, tổ dân phố; số cuộc tại cấp huyện, ...

- Củng cố, kiện toàn và thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện; sơ kết đánh giá hiệu quả của mô hình để tiếp tục triển khai diện rộng hoặc kiến nghị đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp với tình hình thực hiện trên thực tế; đảm bảo động lực thực hiện tốt mục tiêu Nghị quyết đề ra; làm tốt công tác thi đua khen thưởng.

4. Kết quả thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất.

4.1. Chuyển đổi ruộng đất (dồn điền, đổi thửa).

- Diện tích đã xây dựng phương án chuyển đổi ruộng đất;

- Kinh phí thực hiện (Nhân dân đóng góp; ngân sách xã, huyện, tỉnh, và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác ...); bao gồm: Kinh phí phục vụ công tác phá bờ vùng, bờ thửa, san phẳng đồng ruộng (diện tích, khối lượng đào đắp, số lượng ngày công, máy móc thiết bị thực hiện,...); Kinh phí di dời mộ mả (số lượng, ...); Kinh phí cải tạo, nâng cấp, xây mới km kênh mương, giao thông, thuỷ lợi nội đồng;

- Tỷ lệ đạt được bao nhiêu % số hộ sử dụng 01 thửa sau chuyển đổi ruộng đất;

- Đánh giá hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp và tâm lý của người dân sau khi thực hiện chuyển đổi ruộng đất;

- Kết quả đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSD đất sau chuyển đổi ruộng đất trong phạm vi thực hiện dự án: Diện tích đất đã được đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; số hộ đã được xây dựng hồ sơ cấp giấy CNQSD đất (đạt bao nhiêu %); số giấy CNQSD đất đã được cấp (đạt bao nhiêu %); Diện tích được cấp (đạt bao nhiêu %); số hộ được trao GCNQSD đất (đạt bao nhiêu %);

- Kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các nguồn kinh phí khác đã được địa phương bố trí;

- Đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu mà Nghị quyết số 06-NQ/TU đã đề ra.

4.2. Số mô hình, diện tích, loại đất do các doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình, cá nhân tập trung ruộng đất theo hình thức thuê lại quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

- Số mô hình, diện tích tập trung từng mô hình; hiệu quả,...

- Kinh phí thực hiện.

- Kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM; NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Hạn chế, yếu kém:

Nêu rõ những tồn tại, hạn chế phát sinh từ cơ sở (xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp, HTX, THT) và ở cấp huyện.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan.

2.2. Nguyên nhân chủ quan.

3. Bài học kinh nghiệm**IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT**

Nhận diện bối cảnh mới và các đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hiệu quả các nghị quyết thời gian tới; sửa đổi, hoàn thiện các mục tiêu, chỉ tiêu của nghị quyết (nếu có).

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với cấp xã;

2. Đối với cấp huyện;

3. Đối với cấp tỉnh.

Ghi chú: Kèm theo Đề cương này là các phụ lục (1 đến 8)

Phụ lục 05

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 08-NQ/TU CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**
(Kèm theo Kế hoạch 288-KH/TU, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Khái quát đặc điểm, tình hình
2. Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết
3. Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch, chương trình hành động để cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết
4. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện Nghị quyết
5. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (giai đoạn 2021 - 30/6/2024)
 - Số doanh nghiệp thành lập mới hàng năm (*Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).
 - Số lao động, giải quyết việc làm mới hàng năm (*Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì*).
 - Số lượt người được hỗ trợ đào tạo về quản trị doanh nghiệp và khởi sự doanh nghiệp (*Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, Trung tâm Hỗ trợ PTĐN và XTĐT phối hợp*).
 - Đóng góp của doanh nghiệp vào GRDP (*Cục thống kê chủ trì*)
 - Đóng góp của doanh nghiệp vào Thu ngân sách của tỉnh (*Cục thuế chủ trì*)
 - Tỷ lệ Tổng vốn đầu tư từ khu vực doanh nghiệp/ Tổng vốn đầu tư toàn tỉnh (*Cục thống kê chủ trì*)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

(Các đơn vị, địa phương căn cứ các nhiệm vụ được giao cụ thể tại Chương trình hành động số 219/CTr-UBND, ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh để tập trung báo cáo kết quả thực hiện)

1. Về đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác phát triển doanh nghiệp
2. Về tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp
3. Về đẩy mạnh công tác hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp và nâng cao chất lượng hoạt động của doanh nghiệp
4. Về đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

5. Về nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức, hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp; phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo của doanh nghiệp, doanh nhân

6. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức, hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp; phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo của doanh nghiệp, doanh nhân

III. ƯU ĐIỂM; HẠN CHẾ, YẾU KÉM; NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm

2. Hạn chế, yếu kém

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân ưu điểm

3.2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

4. Bài học kinh nghiệm (bao gồm biểu dương, khen thưởng khích lệ các tập thể cá nhân, cách làm hay sáng tạo)

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT TRONG THỜI GIAN TỚI

Nhận diện bối cảnh mới và các đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hiệu quả các nghị quyết thời gian tới; sửa đổi, hoàn thiện các mục tiêu, chỉ tiêu của nghị quyết (nếu có).

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tỉnh ủy

2. Đối với HĐND tỉnh, UBND tỉnh

3. Đối với Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

Phụ lục 06
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch 288-KH/TU, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tỉnh ủy)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Khái quát đặc điểm, tình hình
2. Tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết
3. Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch, chương trình hành động để cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết
4. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện Nghị quyết
5. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (giai đoạn 2021 - 30/6/2024)
 - Thu hút vốn đăng ký đầu tư mới (*Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì*).
 - Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ năm 2021, 2022, 2023 và ước năm 2024 (*Cục Thống kê tỉnh chủ trì*).
 - Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2021, 2022, 2023 và ước năm 2024 (*Cục Thuế tỉnh chủ trì*).
 - Hàng hóa thông qua cảng năm 2021, 2022, 2023 và ước năm 2024 (*Cảng vụ Hàng hải tỉnh chủ trì*).
 - Giải quyết việc làm (*Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì*).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

(Các đơn vị, địa phương căn cứ các nhiệm vụ được giao cụ thể tại Chương trình hành động số 174/CTr-UBND, ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh để tập trung báo cáo kết quả thực hiện)

1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng, tạo đồng thuận, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.
2. Điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng; tăng cường công tác quản lý quy hoạch
3. Tập trung nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, xây dựng và phát triển cảng Vũng Áng - Sơn Dương, Trung tâm logistics, tăng cường khai thác dịch vụ cảng biển
4. Nâng cao hiệu quả các chính sách thu hút, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

6. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của Khu Kinh tế Vũng Áng

7. Tập trung thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng; tăng cường công tác quản lý đất đai

8. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

9. Đảm bảo quốc phòng - an ninh

10. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị để phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng

III. ƯU ĐIỂM; HẠN CHẾ, YẾU KÉM; NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm

2. Hạn chế, yếu kém

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân ưu điểm

3.2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

4. Bài học kinh nghiệm

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT TRONG THỜI GIAN TỚI

(Nhận diện bối cảnh mới và các đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hiệu quả các nghị quyết thời gian tới; sửa đổi, hoàn thiện các mục tiêu, chỉ tiêu của nghị quyết (nếu có)).

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tỉnh uỷ

2. Đối với HĐND tỉnh, UBND tỉnh

3. Đối với Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh